



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01439/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKHA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Mã đơn hàng : 25.639
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 11/04/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/04/2025 - 22/04/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT2	Cột B
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	34	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.440	-
3	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	500
4	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,14)	1.000
5	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,188)	850
6	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	37	200

- Vị trí lấy mẫu:

- KT2: Khí thải sau hệ thống lọc bụi tay áo.

Tọa độ: X= 1187764, Y= 410173

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01440/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Mã đơn hàng : 25.639
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 11/04/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/04/2025 - 22/04/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1
				NT1	Giới hạn quy định
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,7	6 - 8
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	538	200
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	437	300
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	887	500
5	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	29	60
6	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/L	1,4	8
7	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0009)	0,01
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,01
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,5
10	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,1
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	15,2	5
12	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	12x10 ³	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT1: Nước thải trước hệ thống xử lý.

Tọa độ: X= 1187750, Y= 410176

- Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http : <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2025

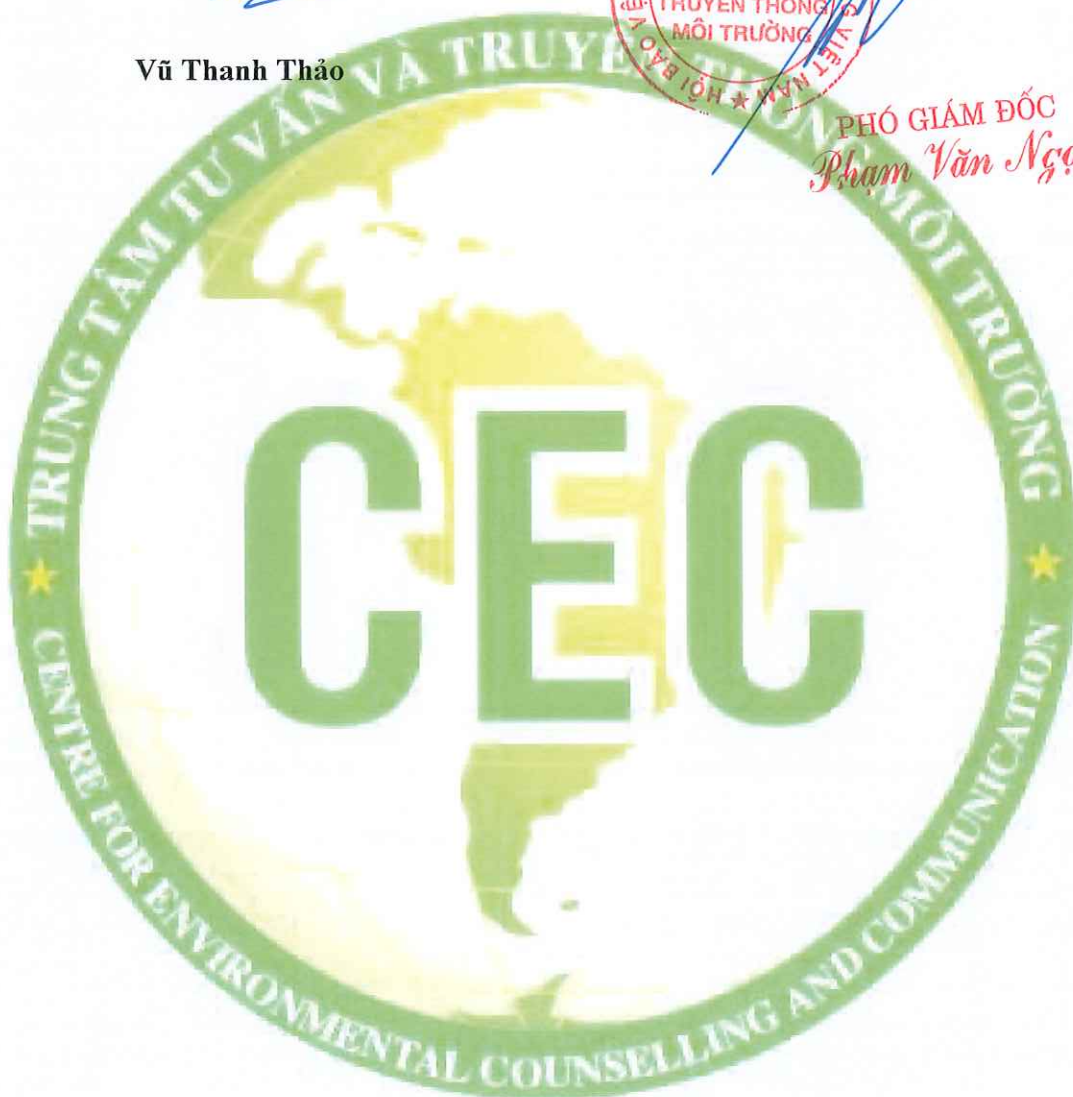
XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. “-”: Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01441/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKKA HỮU HẠNH VIỆT NAM - Đường số 10, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Mã đơn hàng : 25.639
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 11/04/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/04/2025 - 22/04/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1
				NT2	Giới hạn quy định
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 - 8
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	185	200
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	190	300
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	491	500
5	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	23	60
6	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/L	0,41	8
7	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0009)	0,01
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,01
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,5
10	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,1
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	4,5	5
12	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	6,3x10 ³	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý.

Tọa độ: X= 1187750, Y= 410210

- Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2025

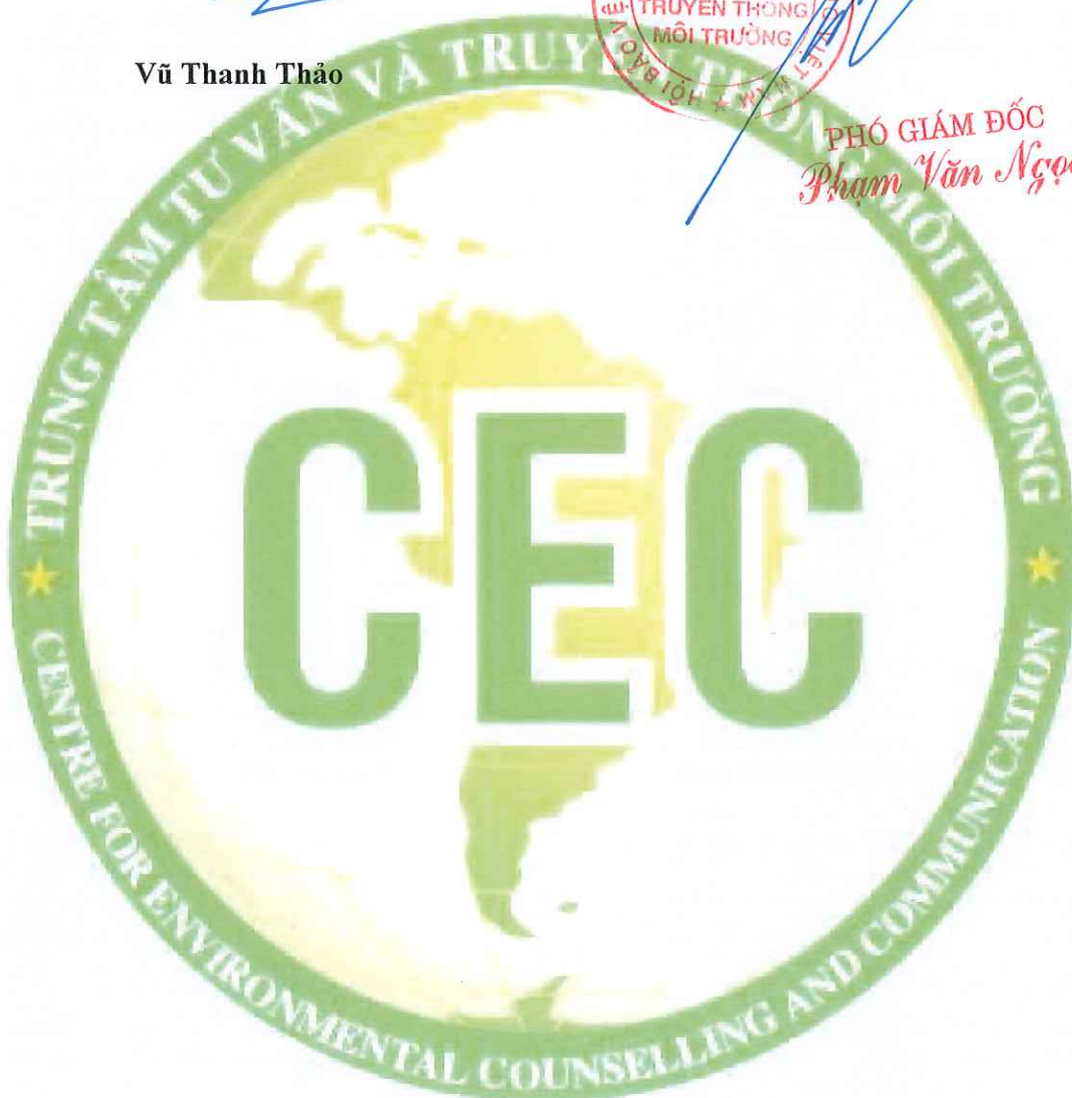
XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025